

29. Nguyên lực hoằng thâm (願力宏深: Nguyên lực sâu rộng)

Phẩm này chỉ rõ tất cả các vị Bồ Tát trong cõi ấy đều có nguyên lực rộng sâu, quyết định nhất sanh bồ xứ. Nếu vị nào có bốn nguyên vì cứu độ chúng sanh nên tuy sanh trong cõi Cực Lạc nhưng chẳng bỏ rơi hữu tình trong đời ác thì vào trong sanh tử cứu độ quần sanh, muốn cho hết thấy chúng sanh trong mười phương đều được vãng sanh, đều sẽ thành Phật, lần lượt cứu độ lẫn nhau chẳng có cùng tận. Cuối phẩm này lại tán thán Vô Lượng Thọ Phật ân đức vô cực.

Chánh kinh:

復次阿難，彼佛剎中，所有現在、未來一切菩薩，皆當究竟一生補處。唯除大願，入生死界，為度羣生，作師子吼。擐大甲冑，以宏誓功德而自莊嚴。雖生五濁惡世，示現同彼，直至成佛，不受惡趣。生生之處，常識宿命。

Phục thứ A Nan! Bỉ Phật sát trung, sở hữu hiện tại, vị lai nhất thiết Bồ Tát giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bồ Xứ, duy trừ đại nguyện, nhập sanh tử giới, vị độ quần sanh, tác sư tử hống, hoàn đại giáp trụ, dĩ hoằng thệ công đức nhi tự trang nghiêm. Tuy sanh Ngũ Trược ác thế, thị hiện đồng bỉ, trực chí thành Phật, bất thọ ác thú. Sanh sanh chi xứ, thường thức túc mạng.

Lại này A Nan! Trong cõi Phật ấy, tất cả hết thấy hiện tại, vị lai Bồ Tát đều sẽ rốt ráo là Nhất Sanh Bồ Xứ. Chỉ trừ người có đại nguyện vào trong cõi sanh tử để độ quần sanh, hiện sư tử hống, khoác đại giáp trụ, dùng công đức hoằng thệ để tự trang nghiêm. Tuy sanh trong đời ác Ngũ Trược, thị hiện giống như những chúng sanh ấy, nhưng cho đến khi thành Phật chẳng sa vào ác đạo. Sanh ở chỗ nào cũng thường biết túc mạng.

Giải:

Những điều nói trong phẩm này chính là kết quả của nguyên ba mươi lăm “*Nhất Sanh Bồ Xứ*” và nguyên ba mươi sáu “*giáo hóa tùy ý*”.

Lời nguyện thứ ba mươi lăm là: “*Sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện vị chúng sanh cố, bị hoằng thệ*

khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo. Tuy sanh tha phương thế giới, vĩnh ly ác thú” (Người sanh trong nước ta ắt rốt ráo đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ. Trừ những người do bồn nguyện độ sanh nên mặc giáp hoàng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình khiến họ đều phát tín tâm, hành đạo Phổ Hiền. Tuy sanh trong thế giới phương khác nhưng vĩnh viễn thoát khỏi đường ác).

Phàm người sanh về Cực Lạc nếu chẳng lìa cõi An Dưỡng thì ắt đều đạt đến bậc Nhất Sanh Bồ Xứ. Chỉ có những Bồ Tát phát đại nguyện thù thắng, nguyện sanh vào cõi sanh tử để giáo hóa hữu tình. Bồ Tát cõi ấy tận tai nghe Phật Di Đà thuyết pháp, liền đem những pháp mình được nghe dạy lại chúng sanh. Vì vậy, pháp họ thuyết ra giống như đức Như Lai đích thân thuyết ra nên cũng giống như là Bồ Tát hiện sư tử hồng.

“Hoàn” (還) là thân mặc lấy, đeo giáp trụ vào. “Trụ” (冑) là áo giáp, “giáp trụ” là thứ áo để chiến sĩ mặc hộ thân trong thời cổ, nhằm tránh tên, đá đâm trúng thân thể. Ở đây, kinh ví von hành nhân chí nguyện Đại thừa đối địch sanh tử, dùng thệ nguyện làm giáp trụ để bảo vệ huệ mạng của bản thân. Quán kinh cũng nói: “*Hoàn đại giáp trụ, dĩ hoàng thệ công đức nhi tự trang nghiêm*” (Mặc đại giáp trụ, dùng công đức hoàng thệ để tự trang nghiêm) thật giống với ý đoạn kinh trong phẩm này.

Người từ Cực Lạc sanh trở lại cõi này tuy sống trong đời ác Ngũ Trược, thị hiện giống như phàm phu, cũng có sanh tử, nhưng thẳng đến khi thành Phật trọn chẳng đọa ác đạo. Hơn nữa, đời đời, kiếp kiếp thường nhớ túc mạng, chẳng mê muội bản tâm. Trong câu “*thị hiện đồng bi*” (thị hiện giống những chúng sanh ấy), chữ “*bi*” (彼) chỉ chúng sanh trong uế độ.

Chánh kinh:

無量壽佛，意欲度脫十方世界諸眾生類，皆使往生其國，悉令得泥洹道。作菩薩者，令悉作佛。既作佛已，轉相教授，轉相度脫，如是輾轉，不可復計。十方世界，聲聞菩薩，諸眾生類，生彼佛國，得泥洹道，當作佛者，不可勝數。

Vô Lượng Thọ Phật, ý dục độ thoát thập phương thế giới chư chúng sanh loại, giai sử vãng sanh kỳ quốc, tất linh đắc Nê Hoàn đạo. Tác Bồ Tát giả, linh tất tác Phật. Kỳ tác Phật dĩ, chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát, như thị triển chuyển, bất khả phục kế. Thập phương thế giới, Thanh Văn, Bồ Tát, chư chúng sanh loại, sanh bỉ Phật quốc, đắc Nê Hoàn đạo, đương tác Phật giả, bất khả thắng số.

Vô Lượng Thọ Phật ý muốn độ thoát các loài chúng sanh trong mười phương thế giới đều được sanh về cõi ấy, đều khiến cho họ đắc đạo Nê Hoàn. Kẻ đã là Bồ Tát thì khiến cho đều được thành Phật, người đã thành Phật sẽ lại tiếp nối dạy dỗ, độ thoát người khác. Lần lượt như thế chẳng thể tính nổi. Không thể tính nổi số Thanh Văn, Bồ Tát, các loài chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi Phật ấy đắc đạo Nê Hoàn, sẽ thành Phật.

Giải:

Các vị Đại Sĩ cõi Cực Lạc phát khởi những thệ nguyện sâu thẳm đến mức như thế ấy là do Di Đà bản nguyện gia hộ oai thần cũng như bản thân họ khéo học theo hạnh của Phật.

Bản ý của Phật Di Đà là nguyện chúng sanh được vãng sanh cõi ấy, đắc đạo Nê Hoàn (Niết Bàn), thấy đều thành Phật. Vị Phật mới thành lại độ chúng sanh. Chúng sanh được độ sẽ lại đều thành Phật rồi lại độ sanh tiếp theo. Vì vậy kinh nói: “*Chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát, như thị triển chuyển, bất khả phục kế*” (Tiếp nối dạy dỗ, độ thoát người khác. Lần lượt như thế chẳng thể tính nổi).

Do lần lượt độ thoát nhau như thế nên các Bồ Tát, Nhị Thừa, các loài chúng sanh trong tứ sanh, lục đạo trong mười phương được vãng sanh Cực Lạc, chúng đạo thành Phật “*bất khả thắng số*” (chẳng thể tính nổi số). Đó là vì số người được vãng sanh đã chẳng thể tính đếm nổi (Nê Hoàn chính là [cách phiên âm khác của chữ] Niết Bàn).

Chánh kinh:

彼佛國中，常如一法，不為增多。所以者何？猶如大海，為水中王，諸水流行，都入海中。是大海水，甯為增減。

Bỉ Phật quốc trung, thường như nhất pháp, bất vị tăng đa. Sở dĩ giả hà? Do như đại hải, vi thủy trung vương, chư thủy lưu hành, đô nhập hải trung. Thị đại hải thủy, ninh vi tăng giảm.

Trong cõi Phật ấy thường như nhất pháp, chẳng tăng thêm nhiều. Vì sao vậy? Ví như biển cả là vua trong các dòng nước. Các dòng nước chảy đều đổ vào biển mà nước biển lớn ấy chẳng hề tăng, giảm.

Giải:

Nếu có kẻ ngờ rằng mười phương phàm, thánh đều sanh về Cực Lạc thì một cõi như vậy làm sao chứa đựng hết nổi? Chẳng phải như vậy! Cõi nước Cực Lạc “*thường như nhất pháp, bất vị tăng đa*” (thường như nhất pháp, chẳng tăng thêm nhiều).

Chữ “*nhất pháp*” Phật nói đó ý nghĩa rất sâu, chúng sanh khó thể lãnh hội nổi nên Phật dùng biển cả làm thí dụ để giảng rõ nghĩa ấy. Biển cả ví như Cực Lạc, các dòng nước ví như chúng sanh trong mười phương. Các dòng nước đổ vào biển, biển cả chẳng tăng thêm. Cũng thế, chúng sanh trong mười phương vãng sanh Cực Lạc nhưng số người nơi Cực Lạc cũng chẳng tăng thêm. Hơn nữa, con số các vị Đại Sĩ cõi ấy lại trở vào uế độ cứu độ quần sanh là vô lượng, nhưng thánh chúng cõi Cực Lạc vẫn chẳng tăng, giảm. Vì thế, nói “*thường như nhất pháp, ninh hữu tăng giảm*” (thường như một pháp, nào có tăng giảm)

Tôi tạm dùng toán học của thế gian để biện giải ý nghĩa này. Trong toán học có khái niệm “lớn vô cực” hoặc “lớn vô hạn”, thường được ký hiệu là ∞ , nghĩa là con số rất lớn vượt khỏi mọi hạn lượng nên gọi là “lớn vô hạn”.

Nếu cộng thêm bất cứ con số hữu hạn vào ∞ thì nó vẫn là ∞ vì ∞ đã biểu thị con số lớn vô lượng nên nếu cộng vào ∞ mà được con số lớn hơn ∞ thì ∞ chẳng còn là số lớn vô hạn nữa! Hơn nữa, dù có trừ bớt ∞ bất cứ con số hữu hạn nào thì nó vẫn bằng ∞ vì nếu ∞ bị giảm nhỏ đi thì chẳng còn là con số lớn vô hạn nữa! Vì vậy, ∞ “*thường như nhất pháp... ninh hữu tăng giảm*”.

Cõi Cực Lạc là lớn vô hạn nhất trong những thứ lớn vô hạn nên vượt ngoài hết thảy số lượng của thế gian vậy.

Hơn nữa, kinh này hiển thị cảnh giới sự sự vô ngại chẳng thể nghĩ bàn, thù thắng vi diệu. Do Cực Lạc chính là Hoa Tạng nên rộng hẹp tự

tại, một chính là nhiều, nhiều chính là một, dung thông nhiếp thủ lẫn nhau, không thể dùng ngôn ngữ, tư duy thấu triệt nổi!

Chánh kinh:

八方上下，佛國無數。阿彌陀國，長久廣大，明好快樂，最為獨勝。本其為菩薩時，求道所願，累德所致。無量壽佛，恩德布施八方上下，無窮無極，深大無量，不可勝言。

Bát phương thượng hạ, Phật quốc vô số. A Di Đà quốc, trường cửu quảng đại, minh hảo khoái lạc, tối vi độc thắng. Bản kỳ vi Bồ Tát thời, cầu đạo sở nguyện, lũy đức sở trí. Vô Lượng Thọ Phật, ân đức bố thí bát phương thượng hạ, vô cùng vô cực, thâm đại vô lượng, bất khả thắng ngôn.

Tám phương, trên, dưới có vô số cõi Phật. Cõi Phật A Di Đà trường cửu, rộng lớn, sáng, đẹp, khoái lạc, thật là thù thắng độc nhất. Ấy vốn là do sở nguyện cầu đạo, tích tập công đức lúc Phật tu Bồ Tát đạo tạo thành. Vô Lượng Thọ Phật bố thí ân đức cả tám phương, thượng, hạ một cách vô cùng vô cực, rộng sâu vô lượng chẳng thể nói nổi.

Giải:

“*Bát phương thượng hạ*” (Tám phương, thượng, hạ) là tám phương kể thêm phương trên, phương dưới thành ra mười phương.

Trong vô số cõi Phật ở mười phương, không cõi nào có thể sánh nổi cõi Cực Lạc về mặt “*trường cửu, quảng đại, minh hảo, khoái lạc*” (trường cửu, rộng lớn, sáng, đẹp, khoái lạc) nên kinh bảo “*tối vi độc thắng*” (thật là thù thắng độc nhất).

“*Trường cửu*” (長久) chính là thường trụ như kinh nói: “*Kiến lập thường nhiên, vô suy, vô biến*” (Kiến lập thường nhiên, chẳng suy, chẳng biến). Chữ “*quảng đại*” (廣大: rộng lớn) nên hiểu như trong ví dụ về biển cả vừa đề cập ở trên. “*Minh*” (明) là thanh tịnh, quang minh. “*Hảo*” (好) là tướng tốt trang nghiêm. “*Khoái lạc*” (快樂) là như kinh Tiểu Bản ghi: “*Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*” (chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui).

Cực Lạc sở dĩ “*tối vi độc thắng*” (thật là thù thắng độc nhất) toàn là do Phật Di Đà lúc còn tu nhân đã cầu được đại nguyện, trong vô lượng kiếp tích công trử đức nên mới được thành tựu như thế. Phật Di Đà đem ân đức vô thượng ấy thí khắp mười phương chẳng có cùng tận. Ân đức của Phật Di Đà rộng lớn sâu xa khó lòng diễn tả nổi. Dầu cho thân có trăm miệng, mỗi miệng có trăm lưỡi nói suốt cả kiếp cũng chẳng trình bày hết nổi nên bảo “*bất khả thắng ngôn*” (chẳng thể nói nổi). Ấy là vì đức Phật ấy trụ Chân Thật Huệ nên có thể ban bố cái lợi chân thật khiến cho khắp hết thấy chúng sanh cùng nhập Chân Thật Tế nên ân đức của Ngài chẳng hề cùng tận.

Quyển ba hết

(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch xong ngày 27 tháng 04 năm 2002 - Tặng đính lần thứ ba ngày 14 tháng 07 năm 2009)